

LỊCH THI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 (ĐỢT 2)
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K 18

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Hình thức thi	Lớp học phần	Số số	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Ghi chú
1	NMGT0312L	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	Vấn đáp	Nhập môn khoa học giao tiếp-2-24 (ĐH18.01)-2-2.22	29	A3-401	16/05/2025	Ca 3,4	
2	HQTC0512L	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	Vấn đáp	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu-2-24 (ĐH18.01)-2-2.22	27	A5-401	19/05/2025	Ca 3,4	
3	DLPT0512L	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	Vấn đáp	Cơ sở dữ liệu phân tán-2-24 (ĐH18.01)-2-2.22	27	A6-101	22/05/2025	Ca 3,4	
4	XLAT0512L	Xử lý âm thanh	2	Vấn đáp	Xử lý âm thanh-2-24 (ĐH18.01)-2-2.23	5	A5-502	19/05/2025	Ca 3,4	
5	MTUD0512L	Mỹ thuật ứng dụng	3	Vấn đáp	Mỹ thuật ứng dụng-2-24 (ĐH18.01)-2-2.23	5	A5-401	23/05/2025	Ca 3,4	
6	VLK10412L	Vật liệu kỹ thuật 1	2	Vấn đáp	Vật liệu kỹ thuật 1-2-24 (ĐH18.01)-2-2.30	36	A6-102	30/05/2025	Ca 3,4	
7	ATLD0412L	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	2	Vấn đáp	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động-2-24 (ĐH18.01)-2-2.30	34	A6-102	03/06/2025	Ca 3,4	
8	HDDC0412L	Hệ thống điện động cơ	2	Vấn đáp	Hệ thống điện động cơ-2-24 (ĐH18.01)-2-2.30	34	A3-404	06/06/2025	Ca 1,2	
9	ATLD0412L	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	2	Vấn đáp	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động-2-24 (ĐH18.02)-2-2.30	25	A6-103	31/05/2025	Ca 3,4	
10	HDDC0412L	Hệ thống điện động cơ	2	Vấn đáp	Hệ thống điện động cơ-2-24 (ĐH18.02)-2-2.30	25	A3-404	03/06/2025	Ca 1,2	
11	DSKT0412L	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	Vấn đáp	Dung sai - Kỹ thuật đo-2-24 (ĐH18.02)-2-2.30	14	A6-103	06/06/2025	Ca 3,4	
12	DSKT0612L	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	Vấn đáp	Dung sai - Kỹ thuật đo-2-24 (ĐH18.01)-2-2.29	7	A5-205	02/06/2025	Ca 3,4	
13	BDCN0412L	Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp	2	Vấn đáp	Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp-2-24 (ĐH18.01)-2-2.29	7	A5-205	05/06/2025	Ca 3,4	
14	CTM20412L	Công nghệ chế tạo máy 2	2	Vấn đáp	Công nghệ chế tạo máy 2-2-24 (ĐH18.01)-2-2.29	7	A5-205	09/06/2025	Ca 3,4	
15	KROB0412L	Kỹ thuật Rôbốt	2	Vấn đáp	Kỹ thuật Rôbốt-2-24 (ĐH18.01)-2-2.31	3	A6-203	03/06/2025	Ca 3,4	

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Hình thức thi	Lớp học phần	Số số	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Ghi chú
16	CNCC0412L	Công nghệ gia công trên máy CNC	2	Vấn đáp	Công nghệ gia công trên máy CNC-2-24 (ĐH18.01)-2-2.31	3	A6-203	06/06/2025	Ca 3,4	
17	CGK20412L	Kỹ thuật gia công cắt gọt kim loại 2	2	Vấn đáp	Kỹ thuật gia công cắt gọt kim loại 2-2-24 (ĐH18.01)-2-2.31	3	A6-203	09/06/2025	Ca 3,4	
18	CHNC0413L	Công nghệ hàn nóng chảy	3	Vấn đáp	Công nghệ hàn nóng chảy-2-24 (ĐH18.01)-2-2.32	2	A3-404	05/06/2025	Ca 3,4	
19	CCDI0613L	Cung cấp điện	3	Vấn đáp	Cung cấp điện-2-24 (ĐH18.02)-2-2.28	57	A6-201	02/06/2025	Ca 3,4	
20	DTCS0612L	Điện tử công suất	2	Vấn đáp	Điện tử công suất-2-24 (ĐH18.02)-2-2.28	48	A6-201	06/06/2025	Ca 3,4	
21	KTC10713L	Kế toán tài chính 1	3	Vấn đáp	Kế toán tài chính 1-2-24 (ĐH18.01)-2-2.33	49	A5-301	07/05/2025	Ca 3,4	
22	QTDN0712L	Quản trị doanh nghiệp	2	Vấn đáp	Quản trị doanh nghiệp-2-24 (ĐH18.01)-2-2.34	17	A6-303	19/05/2025	Ca 3,4	
23	QTCL0713L	Quản trị chiến lược	2	Vấn đáp	Quản trị chiến lược-2-24 (ĐH18.01)-2-2.34	15	A6-303	23/05/2025	Ca 3,4	
24	CCDI0613L	Cung cấp điện	3	Vấn đáp	Cung cấp điện-2-24 (ĐH18.01)-2-2.24	26	A6-104	04/06/2025	Ca 3,4	
25	MAYD0612L	Máy điện	2	Vấn đáp	Máy điện-2-24 (ĐH18.01)-2-2.24	15	A6-401	07/06/2025	Ca 3,4	
26	MDI10612L	Máy điện 1	2	Vấn đáp	Máy điện 1-2-24 (ĐH18.01)	4	A6-401	09/06/2025	Ca 3,4	
27	YNDK0612L	Nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt	2	Vấn đáp	Nhiệt động kỹ thuật và truyền nhiệt-2-24 (ĐH18.01)-2-2.27	9	A6-403	10/06/2025	Ca 3,4	

Ghi chú: - Thời gian thi. Ca 1: 07h30' - 9h00' Ca 2: 09h30' - 11h00' Ca 3: 13h30' - 15h00' Ca 4: 15h30' - 17h00';

- Các khoa, bộ môn gửi bảng phân công cán bộ coi thi, chấm thi về Phòng Đào tạo, KHHTQT & ĐBCL trước khi thực hiện;

Nơi nhận:

- Các khoa;
- Phòng khoa học HTQT & ĐBCL; QT-TB;
- Trung tâm TH;
- Website Nhà trường;
- Lưu Đào tạo;

Nam Định, ngày 25 tháng 04 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO

(Chữ ký)
(Chữ ký) *BMB*